TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM** Bản án số: 11/2023/DS-ST Ngày: 16/3/2023 " V/v trA chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn ThA Phúc

2. Bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "TrA chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-DS ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín

Địa chỉ: Lầu 8, 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị ThA Thương; Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh Kon Tum - Quyết định ủy quyền số 659/2022/GUQ-CNKT, ngày 30/12/2022 của giám đốc: Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín chi nhánh Kon Tum. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/08/2022 và trong quá trình xét xử, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Ngày 18/08/2020, Bà Nguyễn Thị Phương A có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kon Tum (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Nguyễn Thị Phương A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Phương A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 65,000,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Nguyễn Thị Phương A đã thA toán cho Ngân hàng số tiền 54,808,933 đồng. (Thứ tự thA toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), sau đó bà Nguyễn Thị Phương A không thA toán nợ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Phương A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Phương A vi phạm nghĩa vụ thA toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/06/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 01/08/2022 Ngân hàng phải làm đơn khởi kiện yêu cầu bà A phải trả các khoản nợ như sau:

- Loại Thẻ FAMILY Nợ gốc: 23,910,003 đồng, Nợ lãi quá hạn: 1,212,237 đồng, tổng cộng dư nợ: 25,122,240 đồng *(Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả các khoản nợ: Tính đến ngày 16/3/2023 bà A phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ là 32.178.081 đ *(Ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mốt đồng)*, trong đó: nợ gốc là 23,910,003 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.268.078 đồng và khoản lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ, theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương A đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A, kết quả xác minh cho thấy hiện bà A đi khỏi nơi cư trú, không biết địa chỉ mới. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bà A đúng theo quy định, tại phiên tòa hôm nay bà A vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị Phương A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/3/2023 là 32.178.081 đ *(Ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mốt đồng)*, trong đó: tiền nợ gốc là 23,910,003 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 8.268.078 đồng và khoản lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng; Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trA luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

- Ngân hàng khởi kiện "TrA chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Nguyễn Thị Phương A, tại thời điểm thụ lý thì có nơi cư trú hiện nay tại thôn 9 xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A không có yêu cầu phản tố và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đã được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Phương A.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện (theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022) của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương A phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, tính đến ngày 01/8/2022 gồm các khoản nợ sau:

- Loại Thẻ FAMILY Nợ gốc: 23,910,003 đồng, Lãi quá hạn: 1,212,237 đồng, tổng cổng dư nợ 25,122,240 đồng *(Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Phương A phải trả cho Ngân hàng, tính đến ngày xét xử (16/3/2023) bà A phải trả số tiền nợ gốc là 23,910,003 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.268.078 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi quá hạn là 32.178.081 đ *(Ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mốt đồng)* và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 18/8/2020 (Số thẻ: 970403- 6468).

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà Nguyễn Thị Phương A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 65,000,000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà A đã thA toán cho Ngân hàng được số tiền 54,808,933 đồng, sau đó bà A ngừng việc thA toán nợ. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở trả tiền nhưng bà A không thực hiện, nên ngày 23/06/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Xét việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực hành vi dân sự thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế phát hành, thA toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng. Do đó, khi Hợp đồng tín dụng do các bên ký kết có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng này.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay bà A chưa thực hiện xong nghĩa vụ thA dứt điểm các khoản nợ gốc và lãi suất vay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bên vay theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thực hiện việc triệu tập, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định nhưng bị đơn bà A không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên bà A không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và bà A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, xét chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 01/08/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, tính đến ngày xét xử (16/3/2023) số

tiền nợ gốc là 23,910,003 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 8.268.078 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi quá hạn là 32.178.081 đ *(Ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mốt đồng)* và khoản lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

[4] Về án phí: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "TrA chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, đơn đề ngày 01/08/2022 .

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền cụ thể như sau:

Tính đến ngày xét xử (16/3/2023) bà Nguyễn Thị Phương A phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 23,910,003 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 8.268.078 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn là 32.178.081 đ *(Ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mốt đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/3/2023), bà Nguyễn Thị Phương A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thA toán xong khoản tiền này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Phương A phải tiếp tục thA toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Về án phí: Áp dụng các Điều 144 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Phương A phải chịu 1.608.904 đồng *(Một triệu, sáu trăm linh tám nghìn, chín trăm linh bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín 628.000 đồng *(Sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng)* tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000892 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày16/3/2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Phạm Bá Nghiên